TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST Ngày: 11-7-2022 *V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Phiếu

- Ông Bùi Khắc Thái

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Quang Trung - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 102/2022/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐ-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Quách Thị Kim Q(Quách Thị Q) sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn S, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Trịnh Như Tr, sinh năm 1984

Địa chỉ: Phố N, Thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Chị Quy có mặt, anh Trvắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 4 năm 2022 và bản tự khai, nguyên đơn Chị Quách Thị Kim Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Trịnh Như Tr kết hôn năm 2005 có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân Thị trấn Nn, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại Phố N, Thị trấn Nn cùng gia đình anh Trưởng. Chị xác định hai vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân do bất đồng quan điểm, không thống nhất được việc làm ăn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Mặt khác anh Trkhông chịu làm ăn, chăm lo kinh tế cho gia đình, chị đã làm đơn xin ly hôn 1 lần sau đó chị rút đơn để anh Trthay đổi bản thân, tuy nhiên anh Trvẫn không thay đổi. Hiện nay chị và anh Trđã ly thân chị về nhà bố mẹ chị tại Thôn S, xã L ở, không ai quan tâm đến ai về mọi mặt. Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh Trưởng, vì vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Trịnh Như Tr.

Về con chung: Chị xác định chị và anh Trcó 01 con chung là cháu Trịnh Thị Anh Thsinh ngày 03/10/2008, hiện cháu đang ở với chị. Chị có nguyện vọng xin tiếp tục nuôi cháu và không yêu cầu anh Trphải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với bị đơn Anh Trịnh Như Tr: Mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các Thông báo và giấy báo của Tòa án, tuy nhiên anh Trkhông đến Tòa án làm việc trực tiếp cũng như không có ý kiến gửi cho Tòa án.

Ý kiến của cháu Trịnh Thị Anh Th: Cháu không muốn bố mẹ ly hôn, tuy nhiên nếu bố mẹ không ở được với nhau thì cháu xin tiếp tục ở với mẹ.

Ngày 26/4/2022 Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý vụ án, quá trình giải quyết Tòa án đã báo gọi anh Trnhiều lần, tuy nhiên anh Trvắng mặt không có lý do vì vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, vụ án được đưa án xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin ly hôn với Anh Trịnh Như Tr và giải quyết về con chung.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

-*Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Do bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thị trấn Nn, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Toà án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015. Việc thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không có mặt tại phiên tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Quách Thị Kim Q (Quách Thị Q). Xử ly hôn giữa Chị Quách Thị Kim Q (Quách Thị Q) và Anh Trịnh Như Tr.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Trịnh Thị Anh Thsinh ngày 03/10/2008, hiện nay cháu đang ở cùng Chị Qcho Chị Qtiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Trkhông phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Quy.

3. Về án phí ly hôn: Chị Qphải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Thị trấn Nn, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1].Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa Chị Qvà anh Trlà quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống được với nhau thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm, không hợp nhau về mọi mặt. Cuộc sống vợ chồng của Chị Qvà anh Trthường xảy ra xung đột và kéo dài, hai bên đã ly thân. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Qvới anh Trlà có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2].Về con chung: Chị Qvà anh Trcó 01 con chung là cháu Trịnh Thị Anh Thsinh ngày 03/10/2008, nguyện vọng của Chị Qlà được tiếp tục nuôi cháu Thư và không yêu cầu anh Trcấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay Chị Qkhỏe mạnh, có thu nhập, mặt khác cháu Thư cũng có nguyện vọng xin tiếp tục ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn cho các cháu nên tiếp tục giao cháu Trịnh Thị Anh Thcho Chị Qchăm sóc và nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do đương sự không có yêu cầu vì vậy không đặt ra việc giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung:Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Qphải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: - Các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Quách Thị Kim Q (Quách Thị Q). Xử ly hôn giữa Chị Quách Thị Kim Q và Anh Trịnh Như Tr.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Thị Anh Thư, sinh ngày 03/10/2008, hiện nay cháu đang ở cùng Chị Qcho Chị Qtiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi

cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Anh Trkhông phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Quy.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trịnh Thị Kim Quy phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị Qđã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003589 ngày 26/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: Chị Quách Thị Kim Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trịnh Như Tr được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện N;*
- *Chi cục THADS huyện N;*
- *UBND Thị trấn N;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH